



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 29

Ngày 15 tháng 5 năm 2014

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

11-4-2014 - Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1.

2

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

08-4-2014 - Quyết định số 1714/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Hành chính tư pháp mới ban hành; sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

14

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1****ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 1****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2014/QĐ-UBND

*Quận 1, ngày 11 tháng 4 năm 2014***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của
Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về kiện toàn tổ chức Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 40/2011/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh Khoản 2 Điều 6 Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận - huyện (ban hành kèm theo Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố);

Căn cứ Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 tại tờ trình số 09/TTr-BBT ngày 15 tháng 01 năm 2014, văn bản thẩm định của Phòng Tư pháp và đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ tại tờ trình số 113/TTr-NV ngày 4 tháng 3 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2367/2009/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Quận 1 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 1, Trưởng Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Thành Kiên

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường

Giải phóng Mặt bằng Quận 1

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Quận 1)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1.

Điều 2. Vị trí pháp lý

Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 là đơn vị sự nghiệp công lập; được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ.

Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân Quận 1, đồng thời chịu sự hướng dẫn nghiệp vụ của các Sở, Ngành đối với các hoạt động liên quan.

Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 3. Chức năng, nhiệm vụ

Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 có chức năng, nhiệm vụ như sau:

1. Giúp Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư của dự án (viết tắt là Hội đồng dự án) thực hiện nhiệm vụ được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 41 của Quy định kèm theo Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố và các văn bản bổ sung, sửa đổi có liên quan của Ủy ban nhân dân thành phố; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Dự án về tính chính xác, sự phù hợp chính sách của Phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư.

2. Hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của người sử dụng đất về những vấn đề liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; kiểm kê thực tế, so sánh với tờ khai của người sử dụng đất, có sự tham gia của người được bồi thường (chủ sử dụng đất) và Ủy ban nhân dân phường nơi có đất bị thu hồi. Xác định tổng mức bồi thường cho toàn bộ diện tích đất thu hồi, toàn bộ tài sản hiện có trên đất và các khoản bồi thường, hỗ trợ khác. Xác định mức bồi thường, hỗ trợ cho từng đối tượng; lưu trữ hồ sơ bồi thường hỗ trợ của dự án theo quy định.

3. Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; báo cáo, đề xuất Hội đồng Dự án hoặc Ủy ban nhân dân Quận 1 xem xét giải quyết.

4. Thực hiện chi trả tiền bồi thường hỗ trợ và phối hợp với các đơn vị có liên quan để bố trí tái định cư cho người bị thu hồi đất chính xác, đúng đối tượng.

5. Phối hợp các ban ngành, Ủy ban nhân dân 10 phường và các đơn vị có liên quan trên địa bàn Quận 1 để nghiên cứu, đề xuất giải quyết các trường hợp xin cứu xét hoặc khiếu nại về bồi thường, giải phóng mặt bằng. Đồng thời chịu trách nhiệm báo cáo, giải trình theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận đối với các dự án trên địa bàn Quận 1 do Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng quận thực hiện.

6. Căn cứ nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân Quận 1 giao (bằng văn bản) để phối hợp với các đơn vị liên quan lập dự án bồi thường hỗ trợ và tái định cư, báo cáo thẩm định và trình duyệt theo quy định.

7. Thuê đơn vị tư vấn có chức năng đo vẽ hiện trạng nhà đất để làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

8. Tổng hợp nhu cầu tái định cư của các dự án công ích trên địa bàn quận cho từng giai đoạn và xây dựng kế hoạch giải quyết tái định cư cho các dự án này trình Ủy ban nhân dân Quận 1 xem xét quyết định.

9. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Quận 1 thực hiện việc rao mua quỹ nhà, đất tái định cư theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Quyết định số 118/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2007 về phương thức mua, bán căn hộ

chung cư hoàn chỉnh và chuyển nhượng nền đất ở đã có hạ tầng kỹ thuật để bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố và Quyết định số 47/2008/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi Quyết định số 118/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2007.

10. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan thuộc Ủy ban nhân dân Quận 1 để rà soát quỹ đất do Nhà nước trực tiếp quản lý, quỹ đất dôi dư sau khi xử lý thu hồi từ các doanh nghiệp, tổ chức, các dự án phát triển nhà ở thương mại có sử dụng quỹ đất công để xác định quỹ nhà, đất có thể sử dụng bố trí tái định cư.

11. Kiểm tra, đôn đốc tiến độ thi công các dự án tái định cư trên địa bàn, báo cáo các khó khăn, vướng mắc và đề xuất hướng tháo gỡ.

12. Phối hợp các cơ quan chuyên môn liên quan thuộc Ủy ban nhân dân Quận 1, Ủy ban nhân dân 10 phường và Sở ngành để theo dõi, hỗ trợ các hộ dân ổn định cuộc sống sau khi di dời theo Quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố.

13. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, tổng kết năm của công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư trên địa bàn, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 và các Sở ngành liên quan.

14. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, do Ủy ban nhân dân thành phố quy định và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 chỉ đạo.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Cán bộ lãnh đạo:

Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 có 01 Trưởng Ban, giúp việc Trưởng Ban có các Phó Trưởng Ban (do tình hình thực tế trên địa bàn Quận 1 đang triển khai nhiều dự án, có thể tăng số lượng Phó Trưởng ban nhưng tổng số không quá 04 Phó Trưởng Ban).

Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 làm việc theo chế độ Thủ trưởng.

2. Cơ cấu các phòng chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc:

Cơ cấu các phòng chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 có 04 Phòng, mỗi Phòng có Trưởng phòng và từ 01 đến 02 Phó phòng, gồm:

- a) Phòng Tổ chức - Hành chính;
- b) Phòng Kế toán Tài vụ;
- c) Phòng Nghiệp vụ;
- d) Phòng Pháp chế.

3. Việc thành lập, sáp nhập và sắp xếp các Phòng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1.

4. Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức danh:

a) Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, Kế toán trưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1.

b) Trưởng phòng, Phó phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc thẩm quyền của Trưởng ban.

Chương III

CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH, TIỀN LƯƠNG

Điều 5. Chế độ chính sách, tiền lương đối với cán bộ, viên chức

Chế độ tiền lương của cán bộ, viên chức Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 áp dụng theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và các Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 204/2004/NĐ-CP gồm: Nghị định 17/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009, Nghị định 14/2012/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012 và Nghị định 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013.

Quá trình công tác tại Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng quận theo diện hợp đồng của cán bộ, viên chức được tính là thời gian liên tục để tính mức lương trong việc xét tuyển, bổ nhiệm ngạch.

Điều 6. Chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp kế toán

1. Chế độ phụ cấp chức vụ:

a) Lãnh đạo Ban:

- Trưởng ban hưởng mức phụ cấp chức vụ: 0,40.

- Phó Trưởng ban hưởng mức phụ cấp chức vụ: 0,30.

b) Cán bộ quản lý Phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ hưởng mức phụ cấp chức vụ: 0,20.

- Phó phòng chuyên môn, nghiệp vụ hưởng mức phụ cấp chức vụ: 0,15.

c) Chế độ phụ cấp kế toán:

- Kế toán trưởng được hưởng mức phụ cấp trách nhiệm: 0,30.

- Phụ trách Kế toán được hưởng mức phụ cấp trách nhiệm: 0,20.

Chương IV

ĐỊNH MỨC BIÊN CHẾ VÀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 7. Định mức biên chế

Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc hệ thống các đơn vị sự nghiệp Nhà nước, được giao định mức biên chế khung và sử dụng một phần kinh phí ngân sách (nếu nguồn thu của đơn vị không đủ trang trải).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 quyết định mức biên chế trong tổng số biên chế sự nghiệp khác của quận được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Ngoài định mức biên chế nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 cho phép Trưởng Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng được ký hợp đồng lao động (theo Bộ Luật Lao động), hợp đồng thuê, khoán công việc đối với những công việc không cần bố trí biên chế thường xuyên để đáp ứng yêu cầu công tác của đơn vị.

Điều 8. Cơ chế tài chính

Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 là đơn vị sự nghiệp công lập; áp dụng cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ và các Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định.

Điều 9. Nguồn kinh phí

Kinh phí hoạt động của Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng quận được trích từ hai phần trăm (2%) chi phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn Quận 1.

Trường hợp kinh phí trích từ hai phần trăm (2%) chi phí phục vụ công tác bồi thường hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn quận không đủ chi, thì Ủy ban nhân dân Quận 1 căn cứ vào cân đối ngân sách quận để bổ sung kinh phí hoạt động

của Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 để đáp ứng yêu cầu thực tế nhiệm vụ được giao.

Chương V

TUYỂN DỤNG, BỔ NHIỆM NGẠCH, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIÊN CHỨC

Điều 10. Tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch quản lý và sử dụng viên chức

Viên chức vào làm việc tại Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng quận được tổ chức xét tuyển, thực hiện chế độ tập sự và bổ nhiệm vào ngạch cán bộ, công chức, viên chức hoặc hợp đồng lao động và tổ chức quản lý, sử dụng viên chức theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Thẩm quyền xét tuyển và bổ nhiệm ngạch viên chức

Trưởng Ban đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thành lập Hội đồng và thực hiện việc xét tuyển; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch hoặc đề nghị Sở Nội vụ bổ nhiệm ngạch theo thẩm quyền.

Điều 12. Khen thưởng và xử lý kỷ luật viên chức

Viên chức làm việc tại Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 được khen thưởng và xét danh hiệu thi đua theo quy định hiện hành và xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Chương VI

PHÂN CÔNG, CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM CỦA TRƯỞNG BAN, PHÓ TRƯỞNG BAN VÀ CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ

Điều 13. Phân công, chế độ trách nhiệm

1. Trưởng ban:

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 về toàn bộ hoạt động của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng, đồng thời thường xuyên báo cáo tình hình hoạt động chuyên môn của Ban cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phụ trách khối và chịu sự hướng dẫn của các Sở ngành đối với hoạt động liên quan.

b) Điều hành hoạt động của Ban, chỉ đạo viên chức, nhân viên của Ban lập, trình duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư của các dự án trên địa bàn quận.

c) Tham gia thành viên Hội đồng dự án trên địa bàn Quận 1 và thực hiện vai trò tham mưu, giúp việc theo chức năng, nhiệm vụ của Quy chế này.

d) Giúp Ủy ban nhân dân quận xây dựng và ban hành quy trình giải quyết hồ sơ thủ tục liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư.

2. Các Phó Trưởng ban:

Phó Trưởng ban là người giúp việc cho Trưởng ban, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo lĩnh vực công tác do Trưởng ban phân công và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban, liên đới chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được giao. Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền thực hiện một số công việc cụ thể theo quy định.

3. Các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Tham mưu, giúp việc cho Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban về các lĩnh vực được phân công;

b) Soạn thảo và tham mưu cho Trưởng ban ký ban hành nội quy, chức năng, nhiệm vụ cụ thể và chế độ trách nhiệm của từng phòng;

c) Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của đơn vị;

d) Tham mưu cho lãnh đạo Ban giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

e) Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm cho đơn vị theo quy định;

f) Thực hiện các công tác khác theo sự chỉ đạo của lãnh đạo Ban.

4. Cán bộ, viên chức, nhân viên:

Cán bộ, viên chức, nhân viên làm việc tại Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 phải có trình độ chuyên môn phù hợp với công việc, là người có phẩm chất, đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan trong thi hành công vụ và chấp hành nghiêm túc sự phân công của lãnh đạo Ban, phòng trong đơn vị.

Chương VII

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 14. Chế độ làm việc và hội họp

1. Chế độ làm việc:

a) Thực hiện theo quy định chung của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân Quận 1;

b) Cán bộ, viên chức, nhân viên của Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 có chức danh, nhiệm vụ cụ thể và đeo thẻ theo quy định

c) Cán bộ, viên chức, nhân viên phải có thái độ, phong cách làm việc lịch sự, hòa nhã, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân cũng như của đồng nghiệp.

2. Chế độ hội họp:

a) Định kỳ hàng tuần họp giao ban giữa lãnh đạo Ban với các Trưởng phòng để kiểm điểm công tác trong tuần qua và triển khai công tác tuần mới;

b) Hàng tháng họp toàn thể cán bộ, viên chức, nhân viên của đơn vị một lần để kiểm điểm tình hình thực hiện công tác trong tháng qua và đề ra công tác cho tháng tiếp theo; đồng thời, phổ biến các chủ trương, chính sách, chế độ mới của Nhà nước và nhiệm vụ mới phát sinh ở địa phương;

c) Hàng tháng, quý, 6 tháng và cuối năm, báo cáo sơ tổng kết công tác theo quy định;

d) Ngoài ra, có thể tổ chức họp đột xuất để triển khai các công việc cần thiết và cấp bách theo yêu cầu và tình hình thực tế tại địa phương và đơn vị.

Điều 15. Quan hệ công tác

Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 có các mối quan hệ công tác như sau:

1. Đối với Sở Tài chính và các Sở ngành liên quan:

a) Đối với Sở Tài chính: Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 chịu sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ, về quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ và các biểu mẫu về công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thống nhất theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Đối với các Sở ngành khác: Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng chịu sự thanh tra, kiểm tra liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư trên địa bàn, đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các lĩnh vực có liên quan;

c) Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 thực hiện việc báo cáo kết quả công tác định kỳ, đột xuất và chuyên đề theo yêu cầu của các Sở ngành liên quan.

2. Đối với Ủy ban nhân dân Quận 1:

Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân quận. Trưởng ban trực tiếp nhận chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và báo cáo Ủy ban nhân dân Quận 1 việc thực hiện những lĩnh vực công tác được phân công.

3. Đối với Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư của dự án:

Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 là cơ quan Thường trực của Hội đồng dự án, tham mưu cho Hội đồng dự án trong công tác lập Phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư, tổ chức thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư theo trình tự quy định.

4. Đối với các cơ quan khác thuộc Ủy ban nhân dân Quận 1:

a) Thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp và hợp tác bình đẳng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Khi phối hợp giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách, nếu chưa nhất trí với ý kiến của các cơ quan khác, Trưởng ban chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định.

5. Đối với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và tổ chức xã hội tại Quận 1:

a) Phối hợp với Mặt trận, đoàn thể có liên quan trong việc tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật, quy định của Nhà nước để giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án đầu tư đã được phê duyệt;

b) Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng của Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 thì Trưởng ban có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo quy định.

6. Đối với Ủy ban nhân dân 10 phường:

a) Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 phối hợp Ủy ban nhân dân phường nơi có dự án đầu tư trong việc điều tra, khảo sát hiện trạng, cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết cho Ủy ban nhân dân phường; thực hiện tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi trả tới từng hộ dân để phục vụ cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn phường theo quy định của Nhà nước;

b) Khi phối hợp giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Trưởng ban tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định.

Chương VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 và các cơ quan liên quan thuộc quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, Trưởng Ban Bồi thường Giải phóng Mặt bằng Quận 1 đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế, sau khi có sự trao đổi với Trưởng phòng Nội vụ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Thành Kiên

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1714/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 4 năm 2014***QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Hành chính tư pháp mới ban hành; sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1270/TTr-STP-KSTT ngày 17 tháng 3 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp và Ủy

ban nhân dân phường - xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết theo danh mục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TƯ PHÁP VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ - PHƯỜNG, THỊ TRẤN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1714/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp

STT	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực Hành chính tư pháp	
1	Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài kết hợp đăng ký khai sinh

2. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I. Lĩnh vực Hành chính Tư pháp			
1	035476	Thủ tục Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam	Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài
2	035639	Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của

			Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài
3	035124	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài
4	035241	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc đăng ký nhận cha, mẹ, con đã tiến hành tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài	Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài
5	036899	Thủ tục Đăng ký hoạt động Trung tâm tư vấn hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài	Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài
6	036918	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài	Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài

3. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã, phường - thị trấn

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I. Lĩnh vực Hành chính Tư pháp			
1	244399	Thủ tục Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú trong nước để đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài	Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài

**PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ - PHƯỜNG,
THỊ TRẤN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp

I. Lĩnh vực Hành chính Tư pháp

1. Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài kết hợp đăng ký khai sinh:

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (số 141-143 Pasteur, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

* Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ: công chức tiếp nhận hồ sơ in phiếu hẹn trả hồ sơ, biên lai thu lệ phí giao cho người nộp.

* Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ: công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản để tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Bước 3:

a. Sở Tư pháp nghiên cứu, thẩm tra hồ sơ, niêm yết việc nhận cha, mẹ, con tại trụ sở Sở Tư pháp trong bảy (07) ngày liên tục ngay sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí, đồng thời có công văn đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi thường trú của người được nhận là cha, mẹ, con niêm yết việc xin nhận cha, mẹ, con;

b. Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết việc nhận cha, mẹ, con trong thời gian bảy (07) ngày liên tục tại trụ sở Ủy ban nhân dân ngay sau khi nhận được công văn yêu cầu của Sở Tư pháp. Nếu có khiếu nại, tố cáo về việc nhận cha, mẹ, con, Ủy ban nhân dân cấp xã phải gửi văn bản báo cáo ngay Sở Tư pháp.

c. Sở Tư pháp thực hiện xác minh trong trường hợp nghi vấn hoặc có khiếu nại,

tổ cáo về việc nhận cha, mẹ, con hoặc có vấn đề cần làm rõ về nhân thân của các bên cha, mẹ, con hoặc giấy tờ trong hồ sơ.

Giám đốc Sở Tư pháp ký quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con nếu xét thấy người nhận cha, mẹ, con có đủ điều kiện nhận cha, mẹ, con. Trường hợp từ chối công nhận việc nhận cha, mẹ, con, Sở Tư pháp thông báo cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

d. Chậm nhất là ba (03) ngày, kể từ khi có Quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con, Sở Tư pháp sẽ giải quyết việc đăng ký khai sinh cho trẻ theo quy định.

+ Bước 4: Trả kết quả và tổ chức lễ trao Quyết định

a. Cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Tư pháp.

b. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Giám đốc Sở Tư pháp ký Quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con (trừ trường hợp có lý do chính đáng mà các bên có yêu cầu khác về thời gian), Sở Tư pháp thực hiện trao Quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con, đồng thời trao Giấy khai sinh cho trẻ. Khi trao Quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con bên nhận và bên được nhận phải có mặt.

- **Cách thức thực hiện:** Nộp và nhận kết quả trực tiếp tại Sở Tư pháp.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con (theo mẫu);

- Tờ khai đăng ký khai sinh (theo mẫu);

- Căn cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc mẹ, con (nếu có);

- Bản sao Sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú (đối với công dân Việt Nam ở trong nước), bản sao Thẻ thường trú (đối với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam) của người được nhận là cha, mẹ, con;

- Bản sao một trong các giấy tờ để chứng minh về nhân thân như Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (đối với công dân Việt Nam cư trú ở trong nước), Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế như Giấy thông hành hoặc Thẻ cư trú (đối với người nước ngoài và công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài);

- Bản chính Giấy chứng sinh do cơ sở y tế, nơi trẻ em sinh ra cấp hoặc giấy tờ

thay thế Giấy chứng sinh (nếu trẻ em sinh ra ngoài cơ sở y tế thì Giấy chứng sinh được thay bằng văn bản xác nhận của người làm chứng; trong trường hợp không có người làm chứng, thì người đi khai sinh phải làm giấy cam đoan về việc sinh là có thực).

- Giấy thỏa thuận của cha và mẹ đưa trẻ về việc chọn quốc tịch trong trường hợp cha, mẹ chọn quốc tịch nước ngoài cho con. Giấy thỏa thuận về việc chọn quốc tịch phải có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước mà người nước ngoài là công dân về việc chọn quốc tịch cho con là phù hợp với pháp luật của nước đó.

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** Không quá 25 ngày đối với hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con và không quá 03 ngày đối với hồ sơ đăng ký khai sinh, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp cần xác minh thì thời hạn này có thể kéo dài không quá 10 ngày làm việc đối với hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ con và 03 ngày làm việc đối với hồ sơ đăng ký khai sinh.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con và Giấy khai sinh.

- **Lệ phí:** 1.000.000 đồng/trường hợp đối với hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Mẫu Tờ khai đăng ký việc cha, mẹ, con (TP/HTNNg-2010-CMC.1)

+ Mẫu Tờ khai đăng ký khai sinh (TP/HT-2012- TKKS.1)

+ Mẫu Quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con (TP/HTNNg-2013-CMC.1)

+ Mẫu Giấy Khai sinh (TP/HT-2010-KS.1)

- **Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Trường hợp việc đăng ký khai sinh thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp thì Sở Tư pháp kết hợp giải quyết việc nhận cha, mẹ, con và đăng ký khai sinh.

Thẩm quyền đăng ký khai sinh của Sở Tư pháp theo quy định tại Điều 49 của

Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/8/2005 của Chính phủ về Đăng ký và quản lý Hộ tịch.

+ Việc nhận cha, mẹ, con giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, giữa công dân Việt Nam với nhau mà ít nhất một bên định cư ở nước ngoài, giữa người nước ngoài với nhau mà ít nhất một bên thường trú tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định này chỉ được thực hiện, nếu bên nhận và bên được nhận còn sống vào thời điểm nộp hồ sơ, việc nhận cha, mẹ, con là tự nguyện và không có tranh chấp về việc nhận cha, mẹ, con.

+ Trong trường hợp người được nhận là con chưa thành niên thì phải có sự đồng ý của người đang là mẹ hoặc cha, trừ trường hợp người đó đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự. Nếu con chưa thành niên từ đủ chín tuổi trở lên thì việc nhận cha, mẹ, con phải có sự đồng ý của người con đó.

+ Con đã thành niên nhận cha không phải có sự đồng ý của mẹ, nhận mẹ không phải có sự đồng ý của cha.

+ Trường hợp con chưa thành niên nhận cha thì mẹ làm thủ tục nhận cha cho con, nhận mẹ thì cha làm thủ tục cho con. Trường hợp con chưa thành niên nhận cha mà người mẹ đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc nhận mẹ mà người cha đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự thì người giám hộ làm thủ tục nhận cha hoặc nhận mẹ cho con.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

+ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, số 22/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2001);

+ Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/8/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2006);

+ Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định về Hộ tịch, Hôn nhân và Gia đình và Chứng thực (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2012).

+ Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2013);

+ Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng

8 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch (có hiệu lực ngày 09 tháng 7 năm 2008);

+ Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010 Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch (có hiệu lực từ ngày 10 tháng 5 năm 2010);

+ Thông tư số 09b/2013/TT-BTP ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 03 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch và Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23 tháng 05 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP (có hiệu lực từ ngày 05 tháng 7 năm 2013);

+ Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (có hiệu lực từ ngày 17 tháng 02 năm 2014);

+ Quyết định số 103/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành biểu mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực từ ngày 09 tháng 8 năm 2007);

+ Quyết định số 39/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về miễn thu một số khoản phí và lệ phí theo quy định tại Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ (có hiệu lực ngày 16 tháng 6 năm 2008).

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ VIỆC NHẬN CHA, MẸ, CON

Kính gửi:.....

Họ và tên người khai:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/tạm trú:

Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:.....

Quan hệ với người nhận cha/mẹ/con:(1)

Đề nghị công nhận người có tên dưới đây:

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/tạm trú:.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:.....

Là..... của người có tên dưới đây:

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/tạm trú:

Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:.....

Tôi cam đoan việc nhận.....nói trên là đúng sự thật, tự nguyện, không có tranh chấp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị đăng ký.

Làm tại.....ngàytháng.....năm.....

Người khai

Ý kiến của người hiện đang là mẹ hoặc cha (2) Ý kiến của người được nhận là cha, mẹ, con (3)
Các giấy tờ kèm theo:

.....
.....
.....

Chú thích:

- (1) Không cần thiết trong trường hợp bản thân là người nhận cha, mẹ, con;
- (2) Chỉ cần thiết trong trường hợp cha hoặc mẹ nhận con chưa thành niên (trừ trường hợp người đó đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự);
- (3) Nếu nhận trẻ em dưới 9 tuổi làm con, thì không cần ý kiến của người con.

Mẫu TP/HTNNg-2010-CMC.1 (TT số: 08.a/2010/TT-BTP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI SINH

Kính gửi: ⁽¹⁾

Họ và tên người khai:

Nơi thường trú/tạm trú: ⁽²⁾

Số CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế: ⁽³⁾

Quan hệ với người được khai sinh:

Đề nghị⁽¹⁾**đăng ký khai sinh**
cho người có tên dưới đây:

Họ và tên:..... Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: (Bằng chữ:.....

.....)

Nơi sinh: ⁽⁴⁾

Dân tộc: Quốc tịch:.....

Họ và tên cha:.....

Dân tộc:Quốc tịch:..... Năm sinh.....

Nơi thường trú/tạm trú: ⁽²⁾

Họ và tên mẹ:.....

Dân tộc:.....Quốc tịch: Năm sinh.....

Nơi thường trú/tạm trú: ⁽²⁾

Tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm

Người đi khai sinh⁽⁵⁾

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

Người cha**Người mẹ***(Ký, ghi rõ họ tên)*

.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

Chú thích:⁽¹⁾ Ghi rõ tên cơ quan đăng ký khai sinh.⁽²⁾ Ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú và gạch cụm từ “tạm trú”; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì gạch hai từ “thường trú” và ghi theo địa chỉ đăng ký tạm trú.⁽³⁾ Nếu ghi theo số CMND, thì gạch cụm từ “Giấy tờ hợp lệ thay thế”; nếu ghi theo số Giấy tờ hợp lệ thay thế thì ghi rõ tên giấy tờ, số của giấy tờ và gạch cụm từ “CMND”.⁽⁴⁾ Trường hợp trẻ em sinh tại bệnh viện thì ghi tên bệnh viện và địa danh hành chính nơi trẻ em sinh ra (ví dụ: bệnh viện Phụ sản Hà Nội). Trường hợp trẻ em sinh tại cơ sở y tế, thì ghi tên cơ sở y tế và địa danh hành chính nơi trẻ em sinh ra (ví dụ: trạm y tế xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).

Trường hợp trẻ em sinh ra ngoài bệnh viện và cơ sở y tế, thì ghi địa danh của 03 cấp hành chính (cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh), nơi trẻ em sinh ra (ví dụ: xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).

⁽⁵⁾ Chỉ cần thiết trong trường hợp người đi khai sinh không phải là cha, mẹ.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SỞ TƯ PHÁP

....., ngày tháng năm

Số:/QĐ-STP

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận việc nhận cha, mẹ, con

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP

Căn cứ Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;

Xét đề nghị công nhận việc nhận của
.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận người có tên dưới đây:

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú/tạm trú:

Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:

Là **của người có tên dưới đây:**

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú/tạm trú:

Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3.

và những người có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu.

GIÁM ĐỐC

.....

(Thông tư số: 09b/2013/TT-BTP)

Mẫu TP/HTN Ng - 2013-CMC.1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
Quyển số:.....



GIẤY KHAI SINH
(BẢN CHÍNH)

Họ và tên:..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Ghi bằng chữ:.....

Nơi sinh:.....

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Họ và tên cha:.....

Dân tộc:..... Quốc tịch:..... Năm sinh:.....

Nơi thường trú/tạm trú:.....

Họ và tên mẹ:.....

Dân tộc:..... Quốc tịch:..... Năm sinh:.....

Nơi thường trú/tạm trú:.....

Nơi đăng ký:.....

Ngày, tháng, năm đăng ký:.....

Ghi chú:.....

Họ và tên người đi khai sinh:.....

Quan hệ với người được khai sinh:.....

NGƯỜI THỰC HIỆN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

06/2010 (TT số 08/2010/TT-BTP) XBTP

Mẫu TPT/TT-2010-KS.1

**PHẦN GHI CHÚ VIỆC THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH HỘ TỊCH, XÁC ĐỊNH LẠI DÂN TỘC, XÁC ĐỊNH LẠI GIỚI TÍNH,
BỔ SUNG CÁC NỘI DUNG TRONG GIẤY KHAI SINH**

S T T	Ngày, tháng, năm ghi chú	Nội dung ghi chú (đóng dấu vào nội dung đã ghi chú)	Cơ sở ghi chú	Họ tên, chữ ký của người thực hiện ghi chú

2. Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (số 141-143 Pasteur, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

* Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ: công chức tiếp nhận hồ sơ in phiếu hẹn trả hồ sơ, biên lai thu lệ phí giao cho người nộp.

* Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ: công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản để tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Bước 3:

a. Trách nhiệm của Sở Tư pháp, trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ và lệ phí:

- Thực hiện phỏng vấn trực tiếp tại trụ sở để kiểm tra làm rõ về nhân thân, sự tự nguyện kết hôn và mức độ hiểu biết nhau của hai bên nam, nữ. Trường hợp cần phiên dịch để thực hiện phỏng vấn thì Sở Tư pháp chỉ định người phiên dịch. Kết quả phỏng vấn được lập thành văn bản.

Nếu kết quả phỏng vấn cho thấy hai bên kết hôn không hiểu biết về hoàn cảnh của nhau thì Sở Tư pháp hẹn ngày phỏng vấn lại; việc phỏng vấn lại được thực hiện sau ba mươi (30) ngày, kể từ ngày đã phỏng vấn trước;

- Nghiên cứu, thẩm tra hồ sơ; trường hợp nghi vấn hoặc có khiếu nại, tố cáo, Sở Tư pháp thực hiện xác minh làm rõ; nếu cần thiết thì làm văn bản gửi Công an cùng cấp đề nghị xác minh;

b. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn của Sở Tư pháp, cơ quan công an thực hiện xác minh vấn đề được yêu cầu và trả lời bằng văn bản cho Sở Tư pháp;

c. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ của Sở Tư pháp đáp ứng đủ điều kiện kết hôn, không thuộc trường hợp từ chối kết

hôn theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký giấy chứng nhận kết hôn và trả hồ sơ lại cho Sở Tư pháp tổ chức lễ đăng ký kết hôn theo quy định.

Trường hợp từ chối, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản nêu rõ lý do gửi Sở Tư pháp thông báo cho hai bên nam, nữ.

+ Bước 4: Trả kết quả và tổ chức lễ đăng ký kết hôn

a. Cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Tư pháp.

b. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp thành phố ký giấy chứng nhận, Sở Tư pháp tổ chức lễ đăng ký kết hôn.

c. Lễ đăng ký kết hôn được tổ chức tại trụ sở Sở Tư pháp; phải có mặt hai bên nam, nữ. Đại diện Sở Tư pháp chủ trì hôn lễ, yêu cầu hai bên cho biết ý định lần cuối về sự tự nguyện kết hôn. Nếu hai bên đồng ý kết hôn thì đại diện Sở Tư pháp ghi việc kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn, yêu cầu từng bên ký tên vào Giấy chứng nhận kết hôn, Sổ đăng ký kết hôn và trao cho mỗi bên vợ, chồng một (01) bản chính Giấy chứng nhận kết hôn.

Trường hợp có lý do chính đáng mà hai bên nam, nữ yêu cầu gia hạn thời gian tổ chức lễ đăng ký kết hôn thì được gia hạn ngày tổ chức lễ đăng ký kết hôn, nhưng không quá 90 ngày, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký Giấy chứng nhận kết hôn. Hết thời hạn này mà hai bên nam, nữ không đến tổ chức lễ đăng ký kết hôn, Sở Tư pháp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Giấy chứng nhận kết hôn được lưu trong hồ sơ.

Trường hợp hai bên vẫn muốn đăng ký kết hôn thì phải làm lại thủ tục đăng ký kết hôn từ đầu.

- **Cách thức thực hiện:** Nộp và nhận kết quả trực tiếp tại Sở Tư pháp.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

* Thành phần hồ sơ:

a. Tờ khai đăng ký kết hôn (theo mẫu)

Mỗi bên phải làm Tờ khai đăng ký kết hôn (theo mẫu), ghi thông tin của hai bên nam, nữ; ký, ghi rõ họ tên của người làm Tờ khai. Trường hợp cả hai bên có mặt khi nộp hồ sơ thì chỉ cần làm 01 (một) Tờ khai đăng ký kết hôn, ghi thông tin của hai bên nam, nữ; ký, ghi rõ họ tên của hai người.

Nếu Tờ khai đăng ký kết hôn đã có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam về tình trạng hôn nhân của đương sự, thì không phải nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Nếu đã có Giấy xác nhận về tình trạng hôn nhân thì không phải xác nhận vào Tờ khai đăng ký kết hôn.

b. Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân hoặc Tờ khai đăng ký kết hôn có xác nhận tình trạng hôn nhân của công dân Việt Nam được cấp chưa quá 06 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ; giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp chưa quá 06 tháng, tính đến ngày nhận hồ sơ, xác nhận hiện tại người đó là người không có vợ hoặc có chồng, cụ thể:

- Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài (không đồng thời có quốc tịch nước ngoài) nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Cơ quan đại diện tại nước mà người đó cư trú cấp hoặc giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, nơi người đó cư trú cấp.

- Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài (đồng thời có quốc tịch nước ngoài) phải nộp giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó có quốc tịch cấp và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

- Người không quốc tịch cư trú ổn định lâu dài tại Việt Nam phải nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người đó cư trú cấp.

Trường hợp pháp luật nước ngoài không quy định việc cấp giấy tờ xác nhận tình trạng hôn nhân thì thay bằng giấy xác nhận tuyên thệ của người đó hiện tại không có vợ hoặc không có chồng, phù hợp với pháp luật của nước đó;

c. Giấy xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền ở Việt Nam hoặc nước ngoài cấp chưa quá 06 tháng, tính đến ngày nhận hồ sơ xác nhận người đó không mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác mà không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

d. Bản sao một trong các giấy tờ để chứng minh về nhân thân, như giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (đối với công dân Việt Nam cư trú ở trong nước), hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế như Giấy thông hành hoặc Thẻ cư trú (đối với người nước ngoài và công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài);

đ. Bản sao sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú (đối với công dân Việt Nam ở trong

nước), Thẻ thường trú hoặc Thẻ tạm trú hoặc Chứng nhận tạm trú (đối với người nước ngoài thường trú hoặc tạm trú tại Việt Nam).

* Ngoài giấy tờ quy định nêu trên, tùy trường hợp, bên nam, nữ phải nộp giấy tờ tương ứng sau đây:

- Đối với công dân Việt Nam đang làm trong các lực lượng vũ trang hoặc liên quan trực tiếp đến bí mật Nhà nước thì phải nộp giấy xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước ngành cấp Trung ương hoặc cấp tỉnh xác nhận người đó kết hôn với người nước ngoài không ảnh hưởng đến bí mật nhà nước hoặc không trái với quy định của ngành đó;

- Đối với công dân Việt Nam đã ly hôn tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận về việc đã ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Đối với công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài thì còn phải có giấy chứng minh tình trạng hôn nhân do cơ quan có thẩm quyền mà nước ngoài cấp;

- Đối với người nước ngoài đã ly hôn với công dân Việt Nam tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận về việc ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Đối với người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam, ngoài việc phải nộp giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó có quốc tịch hoặc thường trú cấp, còn phải nộp giấy xác nhận đủ điều kiện kết hôn theo pháp luật nước đó, trừ trường hợp pháp luật nước đó không quy định cấp loại giấy tờ này.

- Hồ sơ thuộc một trong các trường hợp sau đây thì phải bổ sung Giấy xác nhận công dân Việt Nam đã được tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài do Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài cấp cho công dân Việt Nam:

+ Hai bên chênh lệch nhau từ 20 tuổi trở lên;

+ Người nước ngoài kết hôn lần thứ ba hoặc đã kết hôn và ly hôn với vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam;

+ Hai bên chưa hiểu biết về hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh cá nhân của nhau; không hiểu biết về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, văn hóa, pháp luật về hôn nhân và gia đình của mỗi nước.

Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Không quá 25 ngày kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí. Trường hợp Sở Tư pháp yêu cầu cơ quan công an xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 10 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận kết hôn

- **Lệ phí:** 1.000.000 đồng/trường hợp;

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Mẫu Tờ khai đăng ký kết hôn (TP/HT-2013-TKĐKKH);

+ Mẫu Giấy chứng nhận kết hôn (TP/HTNNg-2013-KH.1).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên;

+ Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định, không bên nào được ép buộc, lừa dối bên nào; không ai được cưỡng ép hoặc cản trở;

+ Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn quy định tại Điều 10 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

+ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, số 22/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001);

+ Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 03 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (có hiệu lực từ ngày 15 tháng 05 năm 2013);

+ Thông tư số 08.a/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010 Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch (có hiệu lực từ ngày 10 tháng 5 năm 2010).

+ Thông tư số 09b/2013/TT-BTP ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 03 năm 2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch và Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23 tháng

Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế

05 năm 2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP (có hiệu lực từ ngày 05 tháng 7 năm 2013).

+ *Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (có hiệu lực từ ngày 17 tháng 02 năm 2014).*

+ Quyết định số 103/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành biểu mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực từ ngày 09 tháng 8 năm 2007).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

1

Kính gửi:.....

2

Mẫu TP/HT-2013-TKĐKKH (Thông tư số: 09b/2013/TT-BTP)

Người khai	Bên nam	Bên nữ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú/tạm trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu/ Giấy tờ hợp lệ thay thế		
Nghề nghiệp		
Kết hôn lần thứ mấy		

Chúng tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc kết hôn của chúng tôi không vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị đăng ký.
....., ngàytháng năm.....

Xác nhận về tình trạng hôn nhân của
cơ quan có thẩm quyền

Bên nam
(Ký, ghi rõ họ tên)

Bên nữ
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....
.....
.....
.....
.....

Xác nhận này có giá trị trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày xác nhận.

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI KÝ GIẤY XÁC NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

.....

Chú thích:

(1), (2) Trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, thì phải dán ảnh của hai bên nam, nữ

Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên chồng:.....	Họ và tên vợ:.....
Ngày, tháng, năm sinh:.....	Ngày, tháng, năm sinh:.....
Dân tộc:.....	Dân tộc:.....
Quốc tịch:.....	Quốc tịch:.....
Nơi thường trú/tạm trú:.....	Nơi thường trú/tạm trú:.....
Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:.....	Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:.....

Giấy chứng nhận kết hôn này có giá trị kể từ ngày ghi vào Sổ đăng ký kết hôn

Chồng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Vợ
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... ngày tháng năm.....
NGƯỜI KÝ GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT HÔN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Vào Sổ đăng ký kết hôn
Số:..... Quyển số:.....
Ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI THỰC HIỆN
(Ký, ghi rõ họ tên)

07/2013 (Thông tư số: 096/2013/TT-BTP) XBTP

Mẫu TĐHTNng-2013-KH1

3. Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (số 141-143 Pasteur, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

* Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ : công chức tiếp nhận hồ sơ in phiếu hẹn trả hồ sơ, biên lai thu lệ phí giao cho người nộp.

* Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản để tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Bước 3:

a. Sở Tư pháp nghiên cứu, thẩm tra hồ sơ, niêm yết việc nhận cha mẹ con tại trụ sở Sở Tư pháp trong bảy (07) ngày liên tục ngay sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí, đồng thời có công văn đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi thường trú của người được nhận là cha, mẹ, con niêm yết việc xin nhận cha, mẹ, con;

b. Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết việc nhận cha, mẹ, con trong thời gian bảy (07) ngày liên tục tại trụ sở Ủy ban nhân dân ngay sau khi nhận được công văn yêu cầu của Sở Tư pháp. Nếu có khiếu nại, tố cáo về việc nhận cha, mẹ, con, Ủy ban nhân dân cấp xã phải gửi văn bản báo cáo ngay Sở Tư pháp.

c. Sở Tư pháp thực hiện xác minh trong trường hợp nghi vấn hoặc có khiếu nại, tố cáo về việc nhận cha, mẹ, con hoặc có vấn đề cần làm rõ về nhân thân của các bên cha, mẹ, con hoặc giấy tờ trong hồ sơ.

Giám đốc Sở Tư pháp ký quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con nếu xét thấy người nhận cha, mẹ, con có đủ điều kiện nhận cha, mẹ, con. Trường hợp từ chối công nhận việc nhận cha, mẹ, con, Sở Tư pháp thông báo cho người có yêu cầu, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

+ Bước 4: Trả kết quả và tổ chức lễ trao Quyết định

a. Cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Tư pháp.

b. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Giám đốc Sở Tư pháp ký Quyết

định công nhận việc nhận cha, mẹ, con, trừ trường hợp có lý do chính đáng mà các bên có yêu cầu khác về thời gian, Sở Tư pháp thực hiện trao Quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con. Khi trao Quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con bên nhận và bên được nhận phải có mặt.

- **Cách thức thực hiện:** Nộp và nhận kết quả trực tiếp tại Sở Tư pháp.

- **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a. Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con (theo mẫu);

- Bản sao một trong các giấy tờ để chứng minh về nhân thân như Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (đối với công dân Việt Nam cư trú ở trong nước), Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế như Giấy thông hành hoặc Thẻ cư trú (đối với người nước ngoài và công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài);

- Bản sao Giấy khai sinh của người được nhận là con trong trường hợp xin nhận con; của người được nhận là cha, mẹ trong trường hợp xin nhận cha, mẹ;

- Căn cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc mẹ, con (nếu có);

- Bản sao Sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú (đối với công dân Việt Nam ở trong nước), bản sao Thẻ thường trú (đối với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam) của người được nhận là cha, mẹ, con

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** Không quá 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí. Trong trường hợp cần xác minh thì thời hạn này có thể kéo dài không quá 10 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con.

- **Lệ phí:** 1.000.000 đồng/trường hợp

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ *Mẫu Tờ khai đăng ký việc cha, mẹ, con (TP/HTNNg-2010-CMC.1)*

+ *Mẫu Quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con (TP/HTNNg-2013-CMC.1)*

- **Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Việc nhận cha, mẹ, con giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, giữa công dân Việt Nam với nhau mà ít nhất một bên định cư ở nước ngoài, giữa người nước ngoài với nhau mà ít nhất một bên thường trú tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định này chỉ được thực hiện, nếu bên nhận và bên được nhận còn sống vào thời điểm nộp hồ sơ, việc nhận cha, mẹ, con là tự nguyện và không có tranh chấp về việc nhận cha, mẹ, con.

+ Trong trường hợp người được nhận là con chưa thành niên thì phải có sự đồng ý của người đang là mẹ hoặc cha, trừ trường hợp người đó đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự. Nếu con chưa thành niên từ đủ chín tuổi trở lên thì việc nhận cha, mẹ, con phải có sự đồng ý của người con đó.

+ Con đã thành niên nhận cha không phải có sự đồng ý của mẹ, nhận mẹ không phải có sự đồng ý của cha.

+ Trường hợp con chưa thành niên nhận cha thì mẹ làm thủ tục nhận cha cho con, nhận mẹ thì cha làm thủ tục cho con. Trường hợp con chưa thành niên nhận cha mà người mẹ đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc nhận mẹ mà người cha đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự thì người giám hộ làm thủ tục nhận cha hoặc nhận mẹ cho con.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

+ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, số 22/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2001);

+ Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 03 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2013);

+ Thông tư số 08.a/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010 về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ sử dụng số, biểu mẫu hộ tịch (có hiệu lực từ ngày 10 tháng 5 năm 2010).

+ *Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (có hiệu lực từ ngày 17 tháng 02 năm 2014).*

+ Quyết định số 103/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành biểu mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực từ ngày 09 tháng 8 năm 2007).

Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ VIỆC NHẬN CHA, MẸ, CON

Kính gửi:.....

Họ và tên người khai:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/tạm trú:

Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:.....

Quan hệ với người nhận cha/mẹ/con:(1)

Đề nghị công nhận người có tên dưới đây:

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/tạm trú:.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:.....

Là..... của người có tên dưới đây:

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/tạm trú:.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:.....

Tôi cam đoan việc nhận.....nói trên là đúng sự thật, tự nguyện, không có tranh chấp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị đăng ký.

Làm tại.....ngàytháng.....năm.....

Người khai

Ý kiến của người hiện đang là mẹ hoặc cha (2) Ý kiến của người được nhận là cha, mẹ, con (3)

Các giấy tờ kèm theo:

.....
.....
.....

Chú thích:

(1) Không cần thiết trong trường hợp bản thân là người nhận cha, mẹ, con;

(2) Chỉ cần thiết trong trường hợp cha hoặc mẹ nhận con chưa thành niên (trừ trường hợp người đó đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự);

(3) Nếu nhận trẻ em dưới 9 tuổi làm con, thì không cần ý kiến của người con.

Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ.....
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Số:/QĐ-STP

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận việc nhận cha, mẹ, con

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP

Căn cứ Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;

Xét đề nghị công nhận việc nhận của,
.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận người có tên dưới đây:

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú/tạm trú:

Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:

Là của người có tên dưới đây:

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú/tạm trú:

Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3.

và những người có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu.

GIÁM ĐỐC

.....

(Thông tư số: 09b/2013/TT-BTP)

Mẫu TP/HTN Ng - 2013-CMC.1

4. Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (số 141-143 Pasteur, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

* Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ: công chức tiếp nhận hồ sơ in phiếu hẹn trả hồ sơ, biên lai thu lệ phí giao cho người nộp.

* Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ: công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản để tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Bước 3: Thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí thực hiện việc ghi vào Sổ việc kết hôn. Trong trường hợp cần xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá năm (05) ngày làm việc. Trường hợp từ chối ghi vào sổ việc kết hôn, Sở Tư pháp trả lời bằng văn bản cho người yêu cầu và nêu rõ lý do.

Sau khi thực hiện ghi vào sổ việc kết hôn, Giám đốc Sở Tư pháp ký và cấp cho người yêu cầu Giấy xác nhận về việc đã ghi chú vào sổ các việc hộ tịch.

+ Bước 4: Cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Tư pháp.

- Cách thức thực hiện: Nộp và nhận kết quả trực tiếp tại Sở Tư pháp.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai ghi vào sổ việc kết hôn (theo mẫu);

- Bản sao Giấy tờ chứng nhận việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp;

- Bản sao một trong các giấy tờ chứng minh về nhân thân (Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế) của cả hai bên nam, nữ;

Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế

- Trường hợp giấy chứng nhận kết hôn do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp ghi thông tin về giấy tờ chứng minh về nhân thân (ví dụ: hộ chiếu), thì phải nộp bản sao của loại giấy tờ chứng minh nhân thân đó.

- Bản sao sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú của người có yêu cầu.

Trường hợp công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài mà trước đó công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài đã ly hôn với công dân Việt Nam tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận về việc ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí. Trong trường hợp cần xác minh thì thời hạn này có thể kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận về việc đã ghi vào sổ các việc hộ tịch đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

- **Lệ phí:** 50.000 đồng/trường hợp

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ *Mẫu Tờ khai ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài (TP/HT-2013-TKGCKH);*

+ *Mẫu giấy xác nhận về việc đã ghi chú vào sổ các việc hộ tịch đã đăng ký trước cơ quan có thẩm quyền nước ngoài (Mẫu TP/HT-2010-XNGC.1)*

- **Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, số 22/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001);

+ Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 03 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2013);

+ Thông tư số 08.a/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010 Bộ trưởng Bộ Tư pháp

về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch (có hiệu lực từ ngày 10 tháng 5 năm 2010).

+ Thông tư số 09b/2013/TT-BTP ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 03 năm 2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch và Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23 tháng 05 năm 2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP (có hiệu lực từ ngày 05 tháng 7 năm 2013).

+ *Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (có hiệu lực từ ngày 17 tháng 02 năm 2014).*

+ Quyết định số 103/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành biểu mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực từ ngày 09 tháng 8 năm 2007).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH VIỆC KẾT HÔN ĐÃ ĐĂNG KÝ
TẠI CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NƯỚC NGOÀI Ở NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: ⁽¹⁾

Họ và tên người khai:

Nơi thường trú/tạm trú: ⁽²⁾

Số giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế: ⁽³⁾

Đề nghị ⁽¹⁾ ghi vào sổ việc kết hôn cho hai vợ chồng có tên dưới đây:

Họ và tên chồng: **Họ và tên vợ:**

.....

Ngày, tháng, năm sinh: Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Quốc tịch: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú/tạm trú: ⁽²⁾ Nơi thường trú/tạm trú: ⁽²⁾

.....

Số giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế: ⁽³⁾ Số giấy CMND/Giấy tờ hợp lệ thay thế: ⁽³⁾

.....

Kết hôn lần này là lần thứ: Kết hôn lần này là lần thứ:

Đã đăng ký kết hôn tại

theo⁽⁴⁾ số

do..... cấp ngày..... tháng năm

Trước khi kết hôn lần này chưa từng kết hôn/đã từng kết hôn nhưng hôn nhân đã chấm dứt⁽⁵⁾.

.....

.....

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Tài liệu gửi kèm theo Tờ khai:

Làm tại:, ngày tháng năm

.....

Người khai

.....

(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....

Chú thích:

Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế

(Thông tư số: 09b/2013/TT-BTP)

Mẫu TP/HT-2013-TKGCKH

- (1) Ghi rõ tên cơ quan thực hiện ghi chú kết hôn.
- (2) Ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú và gạch cụm từ “tạm trú”; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì gạch hai từ “thường trú” và ghi theo địa chỉ đăng ký tạm trú.
- (3) Nếu ghi theo số CMND, thì gạch cụm từ “Giấy tờ hợp lệ thay thế”; nếu ghi theo số Giấy tờ hợp lệ thay thế thì ghi rõ tên giấy tờ và gạch cụm từ “CMND”.
- (4) Ghi rõ tên giấy tờ đã công nhận việc kết hôn.
- (5) Nếu đã từng kết hôn thì ghi rõ căn cứ chấm dứt quan hệ hôn nhân ở dòng phía dưới. Nếu căn cứ chấm dứt quan hệ hôn nhân là ly hôn thì ghi rõ hình thức văn bản ly hôn, ngày có hiệu lực, tên cơ quan cấp.

ỦY BAN NHÂN DÂN
Tỉnh/thành phố

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ TƯ PHÁP

.....,ngày.....tháng.....năm.....

Số:/STP-XN

**GIẤY XÁC NHẬN VỀ VIỆC
ĐÃ GHI CHÚ VÀO SỔ CÁC VIỆC HỘ TỊCH ĐÃ ĐĂNG KÝ
TRƯỚC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NƯỚC NGOÀI**

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP

Căn cứ Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

Xét đề nghị của:.....về việc.....
.....,

XÁC NHẬN:

Ông/bà:

Họ và tên:.....Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:.....

Nơi thường trú/tạm trú:.....
.....

Đã thực hiện ghi vào Sổ đăng ký:.....số.....quyển số.....
ngày.....tháng.....năm.....

Nội dung ghi chú:.....
.....
.....

Căn cứ ghi chú:.....
.....

Cán bộ hộ tịch
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

.....

(TT số: 08.a/2010/TT-BTP)

Mẫu TP/HT-2010-XNGC.1

5. Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc nhận cha, mẹ, con của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (số 141-143 Pasteur, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

* Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ: công chức tiếp nhận hồ sơ in phiếu hẹn trả hồ sơ, biên lai thu lệ phí giao cho người nộp.

* Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản để tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí thực hiện ghi vào sổ việc nhận cha, mẹ, con. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 05 ngày làm việc.

Giám đốc Sở Tư pháp ký và cấp cho người yêu cầu Giấy xác nhận về việc đã ghi chú vào sổ các việc hộ tịch.

+ Bước 4: Cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Tư pháp.

- Cách thức thực hiện: Nộp và nhận kết quả trực tiếp tại Sở Tư pháp.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai ghi vào sổ việc nhận cha, mẹ, con (theo mẫu)

- Bản sao Giấy tờ công nhận việc nhận cha, mẹ, con do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp;

- Bản sao một trong các giấy tờ chứng minh về nhân thân, như Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế;

- Bản sao sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú của người có yêu cầu.

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp cần xác minh thì thời hạn này có thể kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận việc đã ghi chú vào sổ các việc hộ tịch

- **Lệ phí:** 50.000 đồng/trường hợp

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** *Mẫu Tờ khai ghi vào sổ hộ tịch việc nhận cha, mẹ, con đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (TP/HT-2013-TKGCCMC)*

- **Yêu cầu điều kiện:** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

+ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, số 22/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2001);

+ Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 03 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình (có hiệu lực từ ngày 15 tháng 05 năm 2013);

+ Thông tư số 09b/2013/TT-BTP ngày 20/05/2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/03/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch và Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23/05/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP;

+ *Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (có hiệu lực từ ngày 17 tháng 02 năm 2014).*

+ Quyết định số 103/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành biểu mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực từ ngày 09 tháng 8 năm 2007).

Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH VIỆC NHẬN CHA, MẸ, CON
ĐÃ ĐƯỢC GIẢI QUYẾT TẠI CƠ QUAN CÓ
THẨM QUYỀN CỦA NƯỚC NGOÀI

Kính gửi:

Họ và tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú/tạm trú:

Số CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:

Đề nghị **ghi vào sổ**
hộ tịch việc nhận người có tên dưới đây là⁽¹⁾ **của tôi**

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú/tạm trú:

Số CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:

Theo⁽²⁾:

.....
đã có hiệu lực pháp luật số, ngày...../...../..... của⁽³⁾

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Tài liệu gửi kèm theo Tờ khai:

- Bản sao giấy tờ công nhận việc nhận cha, mẹ, con;
- Bản sao CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế của người có yêu cầu;
- Bản sao Sổ hộ khẩu/Sổ tạm trú của người có yêu cầu.

....., ngày tháng ... năm.....

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....

Chú thích

⁽¹⁾ Ghi rõ là cha, mẹ hoặc con;

⁽²⁾ Ghi rõ hình thức văn bản: Bản án/quyết định/thỏa thuận/các hình thức khác;

⁽³⁾ Ghi rõ tên cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đã công nhận việc nhận cha, mẹ, con.

6. Thủ tục Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức sau khi được thành lập chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đăng ký hoạt động theo quy định và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp (số 141-143 Pasteur, phường 6, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

* Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ: công chức tiếp nhận hồ sơ in phiếu hẹn trả hồ sơ giao cho người nộp.

* Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản để tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Trong trường hợp từ chối cấp Giấy đăng ký hoạt động, Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho Hội liên hiệp Phụ nữ thành lập Trung tâm, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

+ Bước 4: Tổ chức căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Tư pháp.

- **Cách thức thực hiện:** Nộp và nhận kết quả trực tiếp tại Sở Tư pháp.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký hoạt động (theo mẫu quy định);
- Bản sao Quyết định thành lập Trung tâm;
- Giấy tờ chứng minh về địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm;
- Phiếu lý lịch tư pháp của người dự kiến đứng đầu Trung tâm được cấp chưa quá 3 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;
- Bản sao quy chế hoạt động của Trung tâm.

b. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy đăng ký hoạt động hoặc Văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** không có

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Mẫu Tờ khai đăng ký hoạt động tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (TP/HTNNG-2013-TKTVHT)

+ *Mẫu Giấy Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (TP/HTNNG-2013-TVHT).*

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

+ *Địa điểm hoạt động của Trung tâm có thể độc lập với địa điểm mở lớp tư vấn, hỗ trợ, nhưng phải bảo đảm về diện tích, tiện nghi làm việc, phù hợp với thực tiễn của từng địa phương.*

+ *Trung tâm phải có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn chuyên trách; ngoài ra được sử dụng cộng tác viên là chuyên gia thuộc lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa - xã hội, pháp luật để thực hiện hoạt động tư vấn, hỗ trợ.*

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

+ Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 03 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình (có hiệu lực từ ngày 15 tháng 05 năm 2013);

+ Thông tư số 09b/2013/TT-BTP ngày 20/05/2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25/03/2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch và Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23/05/2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP.

+ *Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (có hiệu lực từ ngày 17 tháng 02 năm 2014).*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN, HỖ TRỢ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh/thành phố

Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài:

Được thành lập theo Quyết định số:..... ngày tháng năm
của

Địa chỉ trụ sở:

Họ và tên người đứng đầu Trung tâm:

Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:

Nội dung hoạt động của Trung tâm:

.....

.....

.....

.....

Đề nghị Sở Tư pháp tỉnh/thành phố..... cấp Giấy đăng ký hoạt
động cho Trung tâm.

Chúng tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tư vấn,
hỗ trợ kết hôn có yếu tố nước ngoài và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Làm tại, ngày tháng năm

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRUNG TÂM

(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....

Các giấy tờ kèm theo:

- 1) Quyết định thành lập Trung tâm (bản sao);
- 2) Giấy tờ chứng minh về địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm;
- 3) Phiếu Lý lịch tư pháp của người dự kiến đứng đầu Trung tâm;
- 4) Quy chế hoạt động của Trung tâm (bản sao).

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKHĐ

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM TƯ VẤN, HỖ TRỢ
HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH CỐ YẾU TỔ QUỐC NGOÀI**

1. Tên gọi của Trung tâm:

.....

Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có)

.....

2. Địa chỉ trụ sở:

.....

3. Tổ chức chủ quản:

.....

4. Người đứng đầu Trung tâm:

- Họ và tên:

- Số CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:

5. Nội dung hoạt động:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

.....

(Thông tư số: 09b/2013/TT-BTP)

TP/HTNNg-2013-TVHT

GHI CHÚ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐÃ ĐĂNG KÝ

Ngày, tháng, năm thay đổi	Nội dung thay đổi	Giám đốc Sở Tư pháp (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

7. Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Tổ chức muốn thay đổi về tên gọi, địa điểm đặt trụ sở nộp văn bản đề nghị ghi chú thay đổi kèm theo Giấy đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ) và buổi sáng thứ bảy (từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

* Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ: công chức tiếp nhận hồ sơ in phiếu hẹn trả hồ sơ giao cho người nộp.

* Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản để tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Bước 3: Trường hợp thay đổi về tên gọi, địa điểm đặt trụ sở, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị ghi chú thay đổi, Sở Tư pháp ghi trực tiếp nội dung thay đổi vào Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm và đóng dấu xác nhận.

Trường hợp muốn thay đổi về người đứng đầu Trung tâm hoặc nội dung hoạt động của Trung tâm, Hội Liên hiệp phụ nữ phải có văn bản gửi Sở Tư pháp, trong đó nêu rõ mục đích, nội dung, lý do thay đổi, kèm theo Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm. Nếu thay đổi người đứng đầu Trung tâm phải có Phiếu lý lịch tư pháp của người dự kiến thay thế được cấp chưa quá 03 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ghi trực tiếp nội dung thay đổi vào Giấy đăng ký hoạt động và đóng dấu xác nhận. Trường hợp từ chối thay đổi thì Sở Tư pháp thông báo bằng văn bản cho Hội liên hiệp phụ nữ và có nêu rõ lý do.

+ Bước 4: Tổ chức căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Tư pháp.

- Cách thức thực hiện: Nộp và nhận kết quả trực tiếp tại Sở Tư pháp.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động (nêu rõ nội dung cần thay đổi);

- Giấy đăng ký hoạt động;

Trường hợp thay đổi người đứng đầu Trung tâm phải có Phiếu lý lịch tư pháp của người dự kiến thay thế được cấp chưa quá 03 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ.

- Trường hợp xin thay đổi trụ sở phải kèm hồ sơ chứng minh về địa điểm đặt trụ sở mới.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- **Thời hạn giải quyết hồ sơ:** 03 ngày làm việc đối với trường hợp thay đổi về trụ sở và tên gọi; 05 ngày làm việc đối với trường hợp thay đổi người đứng đầu Trung tâm hoặc nội dung hoạt động của Trung tâm

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Tư pháp

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm được đăng ký thay đổi nội dung; hoặc văn bản từ chối.

- **Lệ phí:** Không có

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** *Mẫu Giấy Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (TP/HTN Ng-2013-TVHT).*

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

+ Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2013);

+ *Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.*

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKHD

**GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM TƯ VẤN, HỖ TRỢ
HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH CỐ YẾU TỔ QUỐC NGOÀI**

1. Tên gọi của Trung tâm:

.....

Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có)

.....

2. Địa chỉ trụ sở:

.....

3. Tổ chức chủ quản:

.....

4. Người đứng đầu Trung tâm:

- Họ và tên:

- Số CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:

5. Nội dung hoạt động:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

.....

(Thông tư số: 09b/2013/TT-BTP)

TP/HTNNg-2013-TVHT

GHI CHÚ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐÃ ĐĂNG KÝ

Ngày, tháng, năm thay đổi	Nội dung thay đổi	Giám đốc Sở Tư pháp (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế

B. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã - phường, thị trấn

I. Lĩnh vực Hành chính Tư pháp

1. Thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú trong nước để đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút) và buổi sáng thứ bảy (từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút).

+ Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

* Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ và hợp lệ: công chức tiếp nhận hồ sơ in phiếu hẹn trả hồ sơ, biên lai thu lệ phí giao cho người nộp.

* Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và chưa hợp lệ: công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản để cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Bước 3:

a. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn kiểm tra về nhân thân, tình trạng hôn nhân của người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; có văn bản báo cáo kết quả kiểm tra và nêu rõ các vấn đề vướng mắc cần xin ý kiến, gửi Sở Tư pháp, kèm theo hồ sơ (Bản chụp Tờ khai, hộ khẩu, CMND của đương sự)

b. Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Sở Tư pháp thẩm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Trường hợp cần làm rõ về nhân thân, tình trạng hôn nhân, điều kiện kết hôn, mục đích kết hôn của người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Sở Tư pháp tiến hành xác minh và phỏng vấn đối với người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Cụ thể:

- Sở Tư pháp tiến hành phỏng vấn đối với người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

Khi phỏng vấn cán bộ Sở Tư pháp cần làm rõ sự tự nguyện, mục đích kết hôn của công dân Việt Nam; sự hiểu biết của công dân Việt Nam về hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh cá nhân của người nước ngoài, về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, văn hóa, pháp luật về hôn nhân và gia đình của quốc gia, vùng lãnh thổ mà người nước ngoài cư trú.

- Kết quả thẩm tra, xác minh, phỏng vấn bên công dân Việt Nam cho thấy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì Sở Tư pháp yêu cầu bên người nước ngoài về Việt Nam để phỏng vấn làm rõ:

+ Hai bên chênh lệch nhau từ 20 tuổi trở lên;

+ Người nước ngoài kết hôn lần thứ ba hoặc đã kết hôn và ly hôn với vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam;

+ Công dân Việt Nam không hiểu biết về hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh cá nhân của người nước ngoài; không hiểu biết về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, văn hóa, pháp luật về hôn nhân và gia đình của quốc gia, vùng lãnh thổ mà người nước ngoài cư trú;

+ Người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho biết sẽ không có mặt để đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài.

- Kết quả phỏng vấn phải ghi thành văn bản, có chữ ký của người phỏng vấn, người được phỏng vấn.

Trường hợp từ chối, Sở Tư pháp phải có văn bản giải thích rõ lý do gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo cho người có yêu cầu.

c. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân xã, phường, thị trấn ký Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và cấp cho người có yêu cầu.

+ Bước 4: Cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Cách thức thực hiện: Nộp và nhận kết quả trực tiếp tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú của công dân Việt Nam.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (theo mẫu quy định);

b) Bản sao một trong các giấy tờ để chứng minh về nhân thân như Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế;

Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế

c) Bản sao sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú của người yêu cầu.

Trường hợp công dân Việt Nam đã ly hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận về việc ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết:

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có văn bản báo cáo gửi Sở Tư pháp.

+ Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Sở Tư pháp thẩm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp cần làm rõ về nhân thân, tình trạng hôn nhân, điều kiện kết hôn, mục đích kết hôn của người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Sở Tư pháp tiến hành xác minh và phỏng vấn đối với người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

Trường hợp Sở Tư pháp yêu cầu xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 10 ngày làm việc.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ký Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và cấp cho người có yêu cầu.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã và Sở Tư pháp.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

- Lệ phí: 3000 đồng/trường hợp;

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (Theo Mẫu)

+ Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (Theo Mẫu)

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Công dân Việt Nam cư trú trong nước đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

+ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, số 22/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001);

+ Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 03 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (có hiệu lực từ ngày 15 tháng 5 năm 2013);

+ Thông tư số 09b/2013/TT-BTP ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng sổ, biểu mẫu hộ tịch và Thông tư số 05/2012/TT-BTP ngày 23 tháng 05 năm 2012 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08.a/2010/TT-BTP (có hiệu lực từ ngày 05 tháng 7 năm 2013).

+ *Thông tư số 22/2013/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài (có hiệu lực từ ngày 17 tháng 02 năm 2014).*

+ Quyết định số 103/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành biểu mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (có hiệu lực từ ngày 09 tháng 8 năm 2007).

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI CẤP GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN

Kính gửi:

Họ và tên người khai:

Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi thường trú/tạm trú:

Quan hệ với người được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân:

Đề nghị cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có tên dưới đây:

Họ và tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Dân tộc:.....Quốc tịch:

Số Giấy CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:

Nơi thường trú/tạm trú⁽¹⁾:

Nghề nghiệp:

Trong thời gian cư trú tại

.....từ ngày.....tháng.....năm, đến ngày tháng năm⁽²⁾

Tình trạng hôn nhân⁽³⁾.....

Mục đích của việc yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân⁽⁴⁾:.....

.....

.....

.....

.....

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

Làm tại:....., ngày tháng năm

Người khai
(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....

Mẫu TP/HT-2013-TKXNHN (Thông tư số: 09b/2013/TT-BTP)

Chú thích:

⁽¹⁾ Trường hợp công dân Việt Nam cư trú trong nước thì ghi theo nơi đăng ký thường trú, trong trường hợp không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú.

Trường hợp công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài thì ghi theo địa chỉ thường trú hoặc tạm trú ở nước ngoài.

⁽²⁾ Chỉ khai trong trường hợp công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú ở nước ngoài hoặc trong thời gian cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh.

⁽³⁾ Đối với công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thì khi rõ tình trạng hôn nhân hiện tại: đang có vợ hoặc có chồng; hoặc chưa đăng ký kết hôn lần nào; hoặc đã đăng ký kết hôn, nhưng đã ly hôn hay người kia đã chết.

Đối với công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh, thì khai về tình trạng hôn nhân của mình trong thời gian đã cư trú tại nơi đó (Ví dụ: trong thời gian cư trú tại, từ ngày..... tháng năm đến ngày tháng năm chưa đăng ký kết hôn với ai).

Đối với công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài, có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú ở nước ngoài, thì khai về tình trạng hôn nhân của mình trong thời gian cư trú tại nước đó (Ví dụ: trong thời gian cư trú tại CHLB Đức từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm không đăng ký kết hôn với ai tại Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức);

⁽⁴⁾ Ghi rõ mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình hôn nhân. Trường hợp sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để kết hôn, thì phải ghi rõ kết hôn với ai (họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; nơi thường trú/tạm trú); nơi đăng ký kết hôn.

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã/phường.....

Huyện/quận.....

Tỉnh/thành phố.....

Số:...../UBND-XN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN

(Cấp cho công dân Việt Nam cư trú trong nước đăng ký kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài)

ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 24/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;

XÁC NHẬN:

Ông/bà:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Dân tộc:.....Quốc tịch:

Số Giấy CMND/ Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế:

Nghề nghiệp:

Nơi thường trú/tạm trú:

Tình trạng hôn nhân:

.....

.....

Giấy này được cấp để đăng ký kết hôn với ông/bà có tên dưới đây:

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:

Nơi thường trú/tạm trú:

.....

tại⁽¹⁾

.....

Giấy này có giá trị sử dụng trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày cấp.

Vào Sổ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số Quyển số

CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

.....

.....

.....

Chú thích:

⁽¹⁾ Ghi rõ nơi đăng ký kết hôn.

Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế

Mẫu TP/HT-2013-XNTTHN (Thông tư số: 09b/2013/TT-BTP)

Mẫu TP/HT-2013-XNTTHN

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng